

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN NGỌC LẶC
TỈNH THANH HOÁ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 44/2023/HS-ST

Ngày 13 - 12 - 2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NGỌC LẶC TỈNH THANH HOÁ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Lê Văn Thịnh

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Đức Hoàn

Ông Bùi Trung Thành

- Thư ký phiên toà: Bà Lê Mỹ Duyên - Thư ký Toà án, Tòa án nhân dân huyện Ngọc Lặc, tỉnh Thanh Hoá.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ngọc Lặc, tỉnh Thanh Hoá tham gia phiên toà: Ông Bùi Văn Tuấn - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 12 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Ngọc Lặc, tỉnh Thanh Hoá xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 36/2023/TLST-HS ngày 11 tháng 10 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 42/2023/QĐXXST-HS ngày 24 tháng 11 năm 2023, đối với các bị cáo:

1. **Lê Đình T**; sinh ngày 07 tháng 11 năm 1992; tại **huyện N, tỉnh Thanh Hóa**; nơi cư trú: **Khu phố H, thị trấn N, huyện N, tỉnh Thanh Hóa**; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: 06/12; dân tộc: Mường; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: **Lê Đình N**; con bà: **Quách Thị V** (Chết); có 01 con; tiền sự: Không; tiền án: Ngày 30/11/2021 bị Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Thanh Hoá xử phạt 12 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản tại Bản án hình sự sơ thẩm số 62/2021/HS-ST, ngày 05/10/2022 bị cáo chấp hành xong hình phạt tù; nhân thân: Ngày 22/11/2018 bị Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Thanh Hoá ra Quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc, bị cáo đã chấp hành xong; bị tạm giữ từ ngày 22/6/2023, tạm giam từ ngày 01/7/2023 cho đến nay. Có mặt.

2. **Đỗ Xuân L**; sinh ngày 10 tháng 11 năm 1987; tại **huyện L, tỉnh Thanh Hóa**; nơi cư trú: **Khu phố C, thị trấn L, huyện L, tỉnh Thanh Hóa**; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: **Đỗ Xuân K**; con bà: **Lê Thị K1**; có vợ là **Lê Thị H** và 01 con; tiền sự: Không; tiền án: Không; nhân thân: Không; bị tạm giữ từ ngày 22/6/2023, tạm giam từ ngày 01/7/2023 cho đến nay. Có mặt.

3. **Lê Văn D**; sinh ngày 11 tháng 7 năm 1989; tại **huyện L, tỉnh Thanh Hóa**;

nơi cư trú: **Thôn S, xã T, huyện L, tỉnh Thanh Hóa**; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: 9/12; dân tộc: Mường; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: **Lê Văn Q**; con bà: **Lê Thị L1**; có vợ là **Phạm Thị N1** và 01 con; tiền sự: Không; tiền án: Không; nhân thân: Ngày 08/9/2023, bị **Công an huyện N**, tỉnh Thanh Hoá ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính về hành vi Sử dụng trái phép chất ma túy, với hình thức cảnh cáo; bị tạm giữ từ ngày 22/6/2023, tạm giam từ ngày 01/7/2023 cho đến nay. Có mặt.

4. **Nguyễn Mạnh C**; sinh ngày 29 tháng 3 năm 1972; tại **huyện B, tỉnh Thanh Hóa**; nơi cư trú: **Phố Đ, xã T, huyện B, tỉnh Thanh Hóa**; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: **Nguyễn Hữu T1** (Chết); con bà: **Nguyễn Thị C1**; có vợ là **Trương Thị N2** và 01 con; tiền sự: Không; tiền án: Không; nhân thân: Ngày 31/10/2005, bị Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hoá xử phạt 04 năm tù về tội Cướp tài sản tại Bản án hình sự sơ thẩm số 275/2005/HSST, đã được xóa án tích; Ngày 08/9/2023, bị **Công an huyện N**, tỉnh Thanh Hoá ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính về hành vi Sử dụng trái phép chất ma túy, với hình thức cảnh cáo; bị tạm giữ từ ngày 23/6/2023, tạm giam từ ngày 29/6/2023 cho đến nay. Có mặt.

- Người bào chữa cho bị cáo **Lê Đình T**: Bà **Lê Thị Thu V1**, Trợ giúp viên pháp lý, **chi nhánh** trợ giúp pháp lý số 02, thuộc **Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Thanh Hoá**. Có mặt.

- Người bào chữa cho bị cáo **Nguyễn Mạnh C**: Ông **Đặng Văn Đ**, Trợ giúp viên pháp lý, **chi nhánh** trợ giúp pháp lý số 02, thuộc **Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Thanh Hoá**. Có mặt.

- Người tham gia tố tụng khác:

+ Người làm chứng:

1. Anh **Phùng Văn T2**; sinh năm: 1989; nơi cư trú: **Thôn G, xã M, huyện N, tỉnh Thanh Hóa**. Vắng mặt.

2. Anh **Hồ Văn H1**; sinh năm: 2004; nơi cư trú: **Thôn B, xã P, huyện P, tỉnh Q**. Vắng mặt.

3. Anh **Hà Văn Đ1**; sinh năm: 1983; nơi cư trú: **Bản C, xã P, huyện Q, tỉnh Thanh Hóa**. Vắng mặt.

4. Bà **Nguyễn Thị C1**; sinh năm: 1945; nơi cư trú: **Phố Đ, xã T, huyện B, tỉnh Thanh Hóa**. Có mặt.

5. Bà **Trần Thị L2**; sinh năm: 1968; nơi cư trú: **Khu phố T, thị trấn N, huyện N, tỉnh Thanh Hóa**. Vắng mặt.

6. Chị **Trương Thị L3**; sinh năm: 1983; nơi cư trú: **Khu phố C, thị trấn L, huyện L, tỉnh Thanh Hóa**. Vắng mặt.

7. Ông **Phạm Văn C2**; sinh năm: 1967; nơi cư trú: **Thôn M, xã M, huyện N, tỉnh Thanh Hóa**. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Hồi 12 giờ 20 phút, ngày 22/6/2023 tại khu phố L, thị trấn N, huyện N, tổ công tác Công an huyện N phát hiện và bắt quả tang Lê Đình T, trú tại khu phố H, thị trấn N, huyện N cất giấu trong túi quần bên phải 01 gói giấy, bên trong có 03 gói giấy nhỏ chứa chất bột màu trắng nghi là ma túy, tiến hành lập biên bản bắt người phạm tội quả tang, thu giữ toàn bộ vật chứng để xử lý theo quy định.

Quá trình điều tra và trên cơ sở tài liệu chứng cứ, lời khai các bị cáo xác định: Vào khoảng 09 giờ ngày 22/6/2023 Lê Đình T đến khu vực ngã tư thị trấn N, huyện N thì gặp Phùng Văn T2, trú tại thôn G, xã M, huyện N. Sau đó T mượn điện thoại của T2 gọi cho Đỗ Xuân L, trú tại khu phố C, thị trấn L, huyện L hỏi tìm mua ma túy đem về sử dụng. L gọi điện nhờ Lê Văn D, trú tại thôn S, xã T, huyện L, D gọi điện thoại cho Nguyễn Mạnh C, trú tại phố Đ, xã T, huyện B hỏi mua ma túy, loại Heroine, C nói với D cứ lên nhà rồi gọi cho C. Sau đó D gọi điện cho L nói đã tìm được chỗ mua ma túy và hẹn L, T lên ngã ba Đ, xã T, huyện B để đi mua. L điều khiển chiếc xe mô tô mượn của chị Trương Thị L3 chở D, T đi xe khách từ Ngọc Lặc đến ngã ba Đ, xã T thì gặp D và L, L bảo T đưa cho D số tiền 1.000.000đ để đi mua ma túy, D cầm tiền rồi điều khiển xe mô tô đến khu vực trước ngõ nhà Nguyễn Mạnh C, mua với C được 01 gói ma túy, bên trong chứa 03 gói nhỏ, loại Heroine với giá 400.000đ, lấy được ma túy trên đường quay về D chia thành 04 gói nhỏ đem về đưa cho T, số tiền còn thừa D giữ lại chi tiêu cá nhân. Tiền mở gói ma túy ra thấy có 04 gói nên chia cho D 01 gói, xong T bắt xe khách đi về thị trấn N. D và L đi xe mô tô về đến ngã ba Làng C, xã Đ, huyện L, L điều khiển xe đi về nhà, D bắt xe ôm về nhà lấy gói ma túy ra sử dụng. Đối với Lê Đình T khi về đến khu phố L, thị trấn N thì bị lực lượng Công an phát hiện bắt quả tang, thu giữ trong người 03 gói ma túy, loại Heroine. Đến chiều cùng ngày, Lê Văn D và Đỗ Xuân L đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện N đầu thú, khai nhận hành vi phạm tội của mình. Tiến hành khám xét nơi ở của Nguyễn Mạnh C, Cơ quan Cảnh sát điều tra thu giữ số tiền 400.000đ do C bán ma túy cho Lê Văn D và C khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình.

Tại Kết luận giám định số 2430/KL-KTHS ngày 27/6/2023 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Thanh Hoá kết luận: Chất bột màu trắng của phong bì niêm phong ký hiệu M gửi giám định là ma túy, có tổng khối lượng 0,281g (Không phẩy hai tám một gam), loại Heroine (Heroin).

Tại bản cáo trạng số 34/CT-VKS-NL ngày 10 tháng 10 năm 2023, Viện kiểm sát nhân dân (sau đây viết tắt là VKSND) huyện N, tỉnh Thanh Hóa đã truy tố bị cáo Lê Văn D và bị cáo Nguyễn Mạnh C về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo khoản 1 Điều 251 của Bộ luật Hình sự (sau đây viết tắt là BLHS); bị cáo Lê Đình T và bị cáo Đỗ Xuân L về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo điểm c khoản 1 Điều 249 của BLHS.

Tại phiên tòa, đại diện VKSND giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử (sau đây viết tắt là HĐXX):

- Áp dụng khoản 1 Điều 251; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38

BLHS: xử phạt bị cáo **Lê Văn D** mức án từ 30 tháng đến 32 tháng tù, được trừ thời gian tạm giữ, tạm giam vào thời gian chấp hành hình phạt.

- Áp dụng khoản 1 Điều 251; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 BLHS: xử phạt bị cáo **Nguyễn Mạnh C** mức án từ 30 tháng đến 32 tháng tù, được trừ thời gian tạm giữ, tạm giam vào thời gian chấp hành hình phạt.

- Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 38; Điều 17; Điều 58 BLHS: xử phạt bị cáo **Lê Đình T** mức án từ 18 tháng đến 21 tháng tù, được trừ thời gian tạm giữ, tạm giam vào thời gian chấp hành hình phạt.

- Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 17; Điều 58 BLHS: xử phạt bị cáo **Đỗ Xuân L** mức án từ 15 tháng đến 18 tháng tù, được trừ thời gian tạm giữ, tạm giam vào thời gian chấp hành hình phạt.

Về hình phạt bổ sung:

Áp dụng khoản 5 Điều 251; Điều 35 BLHS: Phạt tiền bị cáo **Lê Văn D** từ 5.000.000đ (Năm triệu đồng) đến 10.000.000đ (Mười triệu đồng).

Bị cáo **Đỗ Xuân L** không có tài sản nào có giá trị, không có thu nhập ổn định, bị cáo **Nguyễn Mạnh C** và bị cáo **Lê Đình T** thuộc hộ nghèo nên đề nghị miễn hình phạt bổ sung cho các bị cáo.

Về vật chứng: Đề nghị tịch thu tiêu hủy số ma túy còn lại sau giám định. Tịch thu nộp Ngân sách Nhà nước số tiền 850.000đ (Tám trăm năm mươi nghìn đồng); 01 (Một) Chiếc điện thoại di động nhãn hiệu OPPO A37 màu trắng - vàng, đã qua sử dụng, bên trong có sim với số thuê bao 0987.765.345 và 01 (Một) Chiếc điện thoại di động không rõ nhãn hiệu màu vàng – đỏ, mặt trước có chữ Vertu, loại máy bàn phím, đã qua sử dụng, bên trong có sim với số thuê bao 0976.479.256. Các vật chứng còn lại đã được xử lý trong giai đoạn điều tra nên đề nghị không xem xét. Truy thu của bị cáo **Lê Văn D** số tiền 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng) nộp ngân sách nhà nước.

Các bị cáo **Lê Văn D** và **Đỗ Xuân L** phải chịu án phí theo quy định của pháp luật. Các bị cáo **Nguyễn Mạnh C** và **Lê Đình T** thuộc hộ nghèo và có đơn xin miễn án phí nên đề nghị miễn án phí cho các bị cáo.

Tại phiên tòa:

Các bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội như cáo trạng đã truy tố và không có tranh luận gì với quan điểm của VKS.

Người làm chứng bà **Nguyễn Thị C1** và ông **Phạm Văn C2** đều thống nhất với nội dung sự việc như cáo trạng của VKS.

Trong quá trình điều tra, người làm chứng anh **Phùng Văn T2**, anh **Hồ Văn H1**, anh **Hà Văn Đ1**, chị **Trần Thị L2** và chị **Trương Thị L3** đều thống nhất với nội dung sự việc như cáo trạng của VKS.

Ý kiến trình bày của người bào chữa cho bị cáo **Nguyễn Mạnh C**: Thống nhất với tội danh mà đại diện VKSND đã truy tố và các tình tiết tăng nặng, giảm

nhẹ trách nhiệm hình sự đã áp dụng cho bị cáo. Đề nghị miễn hình phạt bổ sung cho bị cáo. Bị cáo thành khẩn khai báo, nhận thức còn hạn chế. Đề nghị HĐXX xử phạt bị cáo mức án từ 24 tháng đến 30 tháng tù. Bị cáo thuộc hộ nghèo nên đề nghị miễn toàn bộ án phí cho bị cáo.

Ý kiến trình bày của người bào chữa cho bị cáo **Lê Đình T**: Thống nhất với tội danh mà đại diện VKSND đã truy tố và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đã áp dụng cho bị cáo. Đề nghị miễn hình phạt bổ sung cho bị cáo. Bị cáo thành khẩn khai báo, nhận thức còn hạn chế. Đề nghị HĐXX xử phạt bị cáo mức án từ 15 tháng đến 18 tháng tù. Bị cáo thuộc hộ nghèo nên đề nghị miễn toàn bộ án phí cho bị cáo.

Trong lời nói sau cùng, các bị cáo đề nghị HĐXX cho các bị cáo được hưởng mức án thấp nhất.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, HĐXX nhận định như sau:

[1] Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội. Lời khai của các bị cáo phù hợp với lời khai của người làm chứng, biên bản bắt người phạm tội quả tang, vật chứng thu giữ và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án.

[2] Về trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra và kết quả tranh tụng tại phiên tòa đủ cơ sở chứng minh:

Sáng ngày 22/6/2023, tại **Phố Đ, xã T, huyện B, tỉnh Thanh Hóa**, **Nguyễn Mạnh C** đã bán trái phép chất ma túy loại Heroin cho **Lê Văn D** với số tiền là 400.000đ (Bốn trăm nghìn đồng). Như vậy, có đủ cơ sở kết luận bị cáo **Nguyễn Mạnh C** đã có hành vi phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy” quy định tại khoản 1 Điều 251 BLHS.

Sáng ngày 22/6/2023, tại ngã ba **Đ, xã T, huyện B, tỉnh Thanh Hóa**, **Lê Văn D** đã có hành vi sử dụng số tiền 1.000.000đ (Một triệu đồng) lấy từ **Lê Đình T** để mua trái phép chất ma túy loại Heroin của **Nguyễn Mạnh C** và về đưa toàn bộ số ma túy mua được cho **Lê Đình T**. Tuy nhiên bị cáo chỉ mua ma túy hết 400.000đ (Bốn trăm nghìn đồng) và được hưởng lợi 600.000đ (Sáu trăm nghìn đồng) từ việc mua bán ma túy trên. Như vậy, có đủ cơ sở kết luận bị cáo **Lê Văn D** đã có hành vi phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy” quy định tại khoản 1 Điều 251 BLHS.

Khoảng 12 giờ 20 phút, ngày 22/6/2023 tại **khu phố L, thị trấn N, huyện N, tỉnh Thanh Hóa**, bị cáo **Lê Đình T** có hành vi tàng trữ trái phép 0,281g (Không phải hai tám một gam) ma túy loại Heroine để sử dụng cho bản thân. Bị cáo **Đỗ Xuân L** là người đã kết nối giữa bị cáo **Lê Đình T** với bị cáo **Lê Văn D** để tìm người bán ma túy và mượn xe mô tô để chở bị cáo **Lê Văn D** đến điểm hẹn đi mua ma túy cho bị cáo **Lê Đình T**. Như vậy, có đủ cơ sở kết luận bị cáo **Lê Đình T** và bị cáo **Đỗ Xuân L** đã có hành vi phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 BLHS.

[3] Xét vai trò đồng phạm trong tội Tàng trữ trái phép chất ma túy: Đây là vụ án đồng phạm có tính chất giản đơn. Trong đó bị cáo **Lê Đình T** là người khởi xướng, rủ rê bị cáo **Đỗ Xuân L** đi tìm người bán ma túy để mua sử dụng nên có vai trò cao hơn bị cáo **L** trong vụ án.

[4] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Các bị cáo **Nguyễn Mạnh C**, **Lê Văn D** và **Đỗ Xuân L** phạm tội không có tình tiết tăng nặng và đều có 01 tình tiết giảm nhẹ: quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo khai trung thực các tình tiết của vụ án là đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 BLHS.

Bị cáo **Lê Đình T** phạm tội có 01 tình tiết tăng nặng là Tái phạm quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 BLHS và có 01 tình tiết giảm nhẹ: quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo khai trung thực các tình tiết của vụ án là đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 BLHS.

Bị cáo **Nguyễn Mạnh C** có thân nhân là người có công với nước; các bị cáo **Lê Văn D** và **Đỗ Xuân L** đầu thú, đây là tình tiết giảm nhẹ được quy định tại khoản 2 Điều 51 BLHS.

Vì vậy, cần xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho các bị cáo, để các bị cáo có cơ hội sửa chữa lỗi lầm, thể hiện chính sách khoan hồng của pháp luật.

[5] Hành vi mua bán, tàng trữ trái phép chất ma túy của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, không những xâm phạm trực tiếp đến chế độ độc quyền quản lý nhà nước về các chất ma túy, gây mất trật tự, trị an và an toàn xã hội trên địa bàn, làm ảnh hưởng đến sức khỏe và sự phát triển giống nòi, mà còn là tiền đề và điều kiện phát sinh các tệ nạn xã hội và tội phạm khác trong xã hội. Trên cơ sở đánh giá tính chất vụ án, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân của các bị cáo, HĐXX xét thấy cần xử phạt các bị cáo một mức án tương xứng với tính chất, hành vi phạm tội của các bị cáo và cần cách ly khỏi xã hội một thời gian để các bị cáo cải tạo trở thành người công dân tốt, có ích cho xã hội, đồng thời răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung là phù hợp với Điều 38 BLHS. Thời gian các bị cáo bị tạm giữ, tạm giam sẽ được trừ vào thời gian chấp hành hình phạt.

[6] Về hình phạt bổ sung:

Bị cáo **Lê Văn D** phạm tội vì mục đích vụ lợi nên cần áp dụng khoản 5 Điều 251; khoản 2, khoản 3 Điều 35 BLHS để phạt tiền bổ sung đối với bị cáo.

Bị cáo **Đỗ Xuân L** có thu nhập nên cần áp dụng khoản 5 Điều 249; khoản 2, khoản 3 Điều 35 BLHS để phạt tiền bổ sung đối với bị cáo.

Các bị cáo **Nguyễn Mạnh C** và **Lê Đình T** thuộc hộ nghèo nên miễn hình phạt bổ sung cho các bị cáo.

[7] Về vật chứng: Số ma túy còn lại sau giám định là vật cấm tàng trữ, lưu hành, cần tịch thu tiêu hủy.

Số tiền 850.000đ (Tám trăm năm mươi nghìn đồng), bao gồm 400.000đ là tiền bị cáo **C** bán ma túy, 450.000đ là tiền bị cáo **D** được hưởng lợi khi mua ma túy

cho bị cáo **T**, đây là tiền do phạm tội mà có; 01 (Một) Chiếc điện thoại di động nhãn hiệu OPPO A37 màu trắng - vàng, đã qua sử dụng, bên trong có sim với số thuê bao 0987.765.345 thu giữ của bị cáo **L** và 01 (Một) Chiếc điện thoại di động không rõ nhãn hiệu màu vàng – đỏ, mặt trước có chữ Vertu, loại máy bàn phím, đã qua sử dụng, bên trong có sim với số thuê bao 0976.479.256 thu giữ của bị cáo **D** là công cụ, phương tiện phạm tội, cần tịch thu nộp Ngân sách Nhà nước.

Đối với chiếc xe mô tô gắn biển kiểm soát 36K5-102.36, màu đỏ bị cáo **L** mượn của chị **Trương Thị L3**, bị cáo **L** sử dụng làm phương tiện chở bị cáo **D** đi mua ma túy, xác định chị **L3** không biết bị cáo **L** sử dụng xe mô tô của mình làm phương tiện đi mua ma túy, Cơ quan cảnh sát điều tra đã trả lại tài sản trên chủ sở hữu là đúng quy định của pháp luật và hành vi của chị **L3** không có dấu hiệu tội phạm hình sự nên Cơ quan cảnh sát điều tra không xem xét xử lý là có căn cứ.

Truy thu số tiền bị cáo **Lê Văn D** được hưởng lợi khi mua ma túy cho bị cáo **T** là 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng) nộp ngân sách nhà nước.

[8] Về án phí:

Các bị cáo **Lê Văn D** và **Đỗ Xuân L** phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Các bị cáo **Nguyễn Mạnh C** và **Lê Đình T** thuộc hộ nghèo, các bị cáo có đơn xin miễn án phí. Theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016, các bị cáo thuộc trường hợp được miễn án phí. Vì vậy miễn án phí cho các bị cáo.

[9] Đối với chiếc điện thoại bị cáo **Lê Đình T** mượn của anh **Phùng Văn T2** để gọi điện **Đỗ Xuân L** hỏi tìm mua ma túy, xác định anh **T2** không biết **T** mượn điện thoại để hỏi tìm mua ma túy, hành vi của anh **T2** không có dấu hiệu tội phạm hình sự nên Cơ quan cảnh sát điều tra không thu giữ chiếc xe điện thoại và không xem xét xử lý đối với anh **T2** là có căn cứ.

[10] Đối với **Nguyễn Mạnh C** và **Lê Văn D** đã có hành vi sử dụng trái phép chất ma túy, **Công an huyện N** đã ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính là đúng quy định của pháp luật.

[11] Theo lời khai của bị cáo **Nguyễn Mạnh C** về người phụ nữ bán ma túy cho bị cáo: Bị cáo mua ma túy của một người phụ nữ dân tộc Mông không quen biết tại **xã P, huyện Q, tỉnh Thanh Hóa**, bị cáo không biết tên, tuổi, địa chỉ cụ thể của người phụ nữ này. Quá trình điều tra không xác định được nên Cơ quan cảnh sát điều tra không có cơ sở để xác minh, điều tra làm rõ đối với người phụ nữ bán ma túy.

[12] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra **Công an huyện N**, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân **huyện N**, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự (sau đây viết tắt là BLTTHS). Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết

định tổ tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện điều hợp pháp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 251; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 BLHS: Tuyên bố bị cáo **Lê Văn D** phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy”.

Xử phạt **Lê Văn D** 30 (Ba mươi) tháng tù. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị tạm giữ (ngày 22/6/2023).

Căn cứ vào khoản 1 Điều 251; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 BLHS: Tuyên bố bị cáo **Nguyễn Mạnh C** phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy”.

Xử phạt **Nguyễn Mạnh C** 30 (Ba mươi) tháng tù. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị tạm giữ (ngày 23/6/2023).

Căn cứ vào điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 38; Điều 17; Điều 58 BLHS: Tuyên bố bị cáo **Lê Đình T** phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

Xử phạt **Lê Đình T** 15 (Mười lăm) tháng tù. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị tạm giữ (ngày 22/6/2023).

Căn cứ vào điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 17; Điều 58 BLHS: Tuyên bố bị cáo **Đỗ Xuân L** phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

Xử phạt **Đỗ Xuân L** 12 (Mười hai) tháng tù. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị tạm giữ (ngày 22/6/2023).

Hình phạt bổ sung:

Áp dụng khoản 5 Điều 251; khoản 2, khoản 3 Điều 35 BLHS: Phạt tiền bị cáo **Lê Văn D** 5.000.000đ (Năm triệu đồng) nộp vào Ngân sách Nhà nước.

Áp dụng khoản 5 Điều 249; khoản 2, khoản 3 Điều 35 BLHS: Phạt tiền bị cáo **Đỗ Xuân L** 5.000.000đ (Năm triệu đồng) nộp vào Ngân sách Nhà nước.

Xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 BLHS; Điều 106 BLTTHS:

Tịch thu tiêu huỷ toàn bộ số ma túy còn lại sau giám định kèm bao gói niêm phong.

Tịch thu nộp Ngân sách Nhà nước: số tiền 850.000đ (Tám trăm năm mươi nghìn đồng) theo Ủy nhiệm chi ngày 11/10/2023 của **Công an huyện N** tại **Kho bạc nhà nước huyện N**; 01 (Một) Chiếc điện thoại di động nhãn hiệu OPPO A37 màu trắng - vàng, đã qua sử dụng, bên trong có sim với số thuê bao 0987.765.345 và 01 (Một) Chiếc điện thoại di động không rõ nhãn hiệu màu vàng – đỏ, mặt trước có chữ Vertu, loại máy bàn phím, đã qua sử dụng, bên trong có sim với số thuê bao 0976.479.256.

(Chi tiết theo Biên bản về việc giao nhận vật chứng, tài sản ngày 11/10/2023 giữa Cơ quan cảnh sát điều tra và Chi cục thi hành án dân sự huyện Ngọc Lặc).

Truy thu của bị cáo **Lê Văn D** số tiền 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng) nộp ngân sách nhà nước.

Án phí: Áp dụng Điều 136 BLTTHS; khoản 1 Điều 6; điểm đ khoản 1 Điều 12; Điều 14; Điều 15; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016:

Các bị cáo **Lê Văn D** và **Đỗ Xuân L** phải chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Miễn án phí hình sự sơ thẩm cho các bị cáo **Nguyễn Mạnh C** và **Lê Đình T**.

Án xử công khai sơ thẩm. Các bị cáo có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người phải thi hành án dân sự có quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 7a và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- VKSND huyện Ngọc Lặc;
- Người bào chữa;
- VKSND tỉnh Thanh Hoá;
- CQĐT CA huyện Ngọc Lặc;
- CQTHAHS CA huyện Ngọc Lặc;
- Nhà tạm giữ CA huyện Vĩnh Lộc;
- Chi cục THADS huyện Ngọc Lặc;
- TAND tỉnh Thanh Hoá;
- Lưu HSVA; Văn thư.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Lê Văn Thịnh